

BỘ TÀI CHÍNH  
**TỔNG CỤC HẢI QUAN**  
Số: **1018** /TCHQ-PC

V/v rà soát nội dung sửa đổi, bổ  
sung Nghị định 128/2020/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **04** tháng 3 năm 2021

Kính gửi:

- HỎA TỐC**
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
  - Cục Điều tra chống buôn lậu;
  - Cục Kiểm tra sau thông quan;
  - Cục Thuế xuất nhập khẩu;
  - Cục Giám sát quản lý về hải quan.

Ngày 13/11/2020, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022.

Để triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, ngày 26/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 126/QĐ-TTg, Bộ Tài chính đã có Quyết định số 191/QĐ-BTC ngày 23/02/2021 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Theo đó, Tổng cục Hải quan có trách nhiệm xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan trình Chính phủ để ban hành trong **tháng 8/2021**, phù hợp với các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Tổng cục Hải quan đã thực hiện rà soát, xác định các nội dung của Nghị định số 128/2020/NĐ-CP cần được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính (*chi tiết theo phụ lục kèm theo*).

Để đảm bảo thực hiện kế hoạch xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung đáp ứng được yêu cầu về tiến độ, thời hạn mà Chính phủ, Bộ Tài chính giao; Tổng cục yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện các nội dung sau:

1. Các đơn vị tổ chức nghiên cứu, rà soát các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật có liên quan để tham gia ý kiến về các nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 128/2020/NĐ-CP theo phụ lục kèm theo (kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi các nội dung này; lý do, đề xuất sửa đổi, bổ sung cụ thể).

2. Đối với phần nội dung liên quan đến hành vi vi phạm được quy định tại Chương II Nghị định 128/2020/NĐ-CP

Nội dung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 không tác động trực tiếp đến phần hành vi vi phạm được quy định tại Chương II Nghị định 128/2020/NĐ-CP. Những hành vi vi phạm của Nghị định 128/2020/NĐ-CP mới được đưa vào áp dụng và triển khai thực hiện từ ngày 10/12/2020 (ngày Nghị định 128/2020/NĐ-CP có hiệu lực). Vì vậy, cần có thời gian để đánh giá tính hợp lý, phù hợp, đầy đủ, toàn diện của các hành vi vi phạm này trên thực tiễn.

Ngoài ra, hiện nay Nghị định 08/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP, Thông tư 38/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 39/2018/TT-BTC và một số văn bản khác lại tiếp tục đang được tiến hành sửa đổi, bổ sung hoàn thiện. Do đó, các nội dung liên quan đến định danh hành vi mới, chế tài xử phạt đối với từng hành vi sẽ phải sửa đổi, bổ sung, thay thế khi các văn bản mới này được ban hành, có hiệu lực.

Vì vậy, đối với nội dung này, Tổng cục yêu cầu:

Các đơn vị nghiên cứu, rà soát lại các hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định số 128/2020/NĐ-CP để xác định các trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, loại bỏ hành vi vi phạm thì ý kiến đề xuất phải chỉ rõ các nội dung như: mô tả cụ thể hành vi vi phạm cần sửa đổi, bổ sung; căn cứ pháp lý, yêu cầu quản lý về hải quan dẫn đến phải sửa đổi, bổ sung; tác động tiêu cực (hậu quả) của việc không sửa đổi, bổ sung ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về hải quan; đề xuất phương án quy định, sửa đổi, bổ sung, mức tiền phạt đối với hành vi đó...

Ý kiến tham gia gửi về Tổng cục Hải quan (qua Vụ Pháp chế) và gửi file mềm vào hộp thư điện tử vinhdt@customs.gov.vn **trước ngày 10/3/2021** để tổng hợp; đầu mối liên hệ đ/c Đào Thịnh Vinh, điện thoại: Nội bộ: 8420, DĐ: 0982.910.979./. *M*

*Nơi nhận:*

- Như trên;
  - Lưu: VT, PC (2b).
- rein*

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

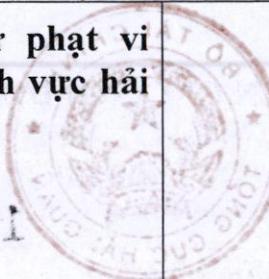


Phụ lục

DỰ KIẾN CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH 128/2020/NĐ-CP

(Kèm theo Công văn số TCHQ-PC ngày 04/3/2021 của Tổng cục Hải quan)

Số thứ tự	Nguồn/Lý do sửa đổi, bổ sung (Luật sửa đổi, bổ sung Luật XLPVHC và văn bản liên quan)	Nghị định 128/2020/NĐ-CP	Quy định dự kiến sửa đổi, bổ sung
1	Khoản 2 Điều 1 Luật XLPVHC 2020 sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 3 Luật XLPVHC quy định: “Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính hoặc vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, <u>trừ trường hợp hành vi vi phạm hành chính nhiều lần được Chính phủ quy định là tình tiết tăng nặng</u> ”. Căn cứ quy định trên, cần xem xét bổ sung quy định về nguyên tắc áp dụng xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính hoặc vi phạm hành chính nhiều lần. Theo đó, quy định cụ thể hành vi/nhóm hành vi nào sẽ xử phạt về từng hành vi, trường hợp nào sẽ áp dụng tình tiết tăng nặng “vi phạm nhiều lần”.	Chưa có quy định	Bổ sung quy định về nguyên tắc áp dụng xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan đối với trường hợp một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính hoặc vi phạm hành chính nhiều lần. Theo đó, cần quy định cụ thể hành vi/nhóm hành vi nào sẽ bị xử phạt theo từng hành vi, hành vi/nhóm hành vi nào sẽ áp dụng tình tiết tăng nặng là “vi phạm nhiều lần”.

2	<p>Khoản 4 Điều 1 Luật XLVPHC 2020 đã sửa khoản 1, khoản 2 Điều 6 Luật XLVPHC về quy định liên quan đến thời hiệu xử phạt của một số lĩnh vực như thủ tục thuế, tuy nhiên thời hiệu xử phạt trong lĩnh vực hải quan vẫn không thay đổi.</p> <p>Vì vậy, nội dung này chỉ sửa đổi về các dẫn chiếu theo Luật XLVPHC 2020 đối với một số quy định tại Nghị định 128/2020/NĐ-CP có dẫn chiếu đến Luật XLVPHC hiện hành</p>	<p><b>Điều 4. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan</b></p> 	
	<p>Sửa các dẫn chiếu về Luật XLVPHC 2020</p>	<p>2. Thời hiệu xử phạt đối với các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.</p>	<p>2. Thời hiệu xử phạt đối với các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 <b>đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020</b>, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.</p>
	<p>Khoản 31 Điều 1 Luật XLVPHC 2020 đã sửa khoản 1, khoản 2 Điều 63 Luật XLVPHC quy định: “<i>1. Đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chuyển đến theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì thời hiệu được áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều này.</i></p>	<p>3. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì thời hiệu được áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều này.</p> <p>Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời</p>	<p>3. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 <b>đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020</b> thì thời hiệu được áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều này.</p> <p>Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng</p>

<p>quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm, hình sự theo bản án nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm (nếu có) <b>và văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính</b> đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.</p> <p>2. Việc xử phạt vi phạm hành chính được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này chuyển đến. Trường hợp cần thiết phải xác minh thêm tình tiết để có căn cứ ra quyết định xử phạt, <b>người có thẩm quyền xử phạt có thể lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 của Luật này.</b></p> <p>Một số nội dung sửa tại Điều này về thủ tục xử lý hồ sơ khi cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến. Tuy nhiên, các nội dung này không yêu cầu Chính phủ quy định cụ thể. Vì vậy, chỉ cần sửa các nội dung của Nghị định 128 có dẫn chiếu về Luật XLVPHC 2020.</p>	<p>hiệu xử phạt vi phạm hành chính.</p>	<p>thu lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.</p>
---	---	--

NN

3	<p>Khoản 29 Điều 1 Luật XLPVHC 2020 đã sửa đổi, bổ sung Điều 58 Luật XLPVHC về lập biên bản vi phạm hành chính.</p> <p>Xem xét sửa đổi, bổ sung hướng dẫn đối với nội dung mới được sửa đổi tại khoản 2 (nơi lập biên bản); khoản 6 (trường hợp biên bản có sai sót hoặc không thể hiện đầy đủ nội dung, tiến hành lập biên bản xác minh).</p>	<p><b>Điều 27. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính</b></p>	
		<p>1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại các Điều 28, 29, 30, 31 Nghị định này khi đang thi hành công vụ.</p>	
		<p>2. Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, công chức thuộc cơ quan quy định tại các Điều 28, 29, 30, 31 của Nghị định này đang thi hành công vụ, nhiệm vụ.</p>	
		<p>3. Đối với những hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực hải quan xảy ra trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa thì người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu có trách nhiệm tổ chức lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển ngay cho người có thẩm quyền xử phạt</p>	

		vi phạm hành chính quy định tại các Điều 28, 29, 30, 31, 32 Nghị định này khi tàu bay, tàu biển, tàu hỏa về đến sân bay, bến cảng, nhà ga.	
4	<p>Khoản 15 Điều 1 Luật XLVPHC 2020 đã sửa đổi, bổ sung Điều 42 Luật XLVPHC về thẩm quyền XP của Hải quan.</p> <p>Vì vậy, cần phải sửa các nội dung Điều 29 Nghị định phù hợp về các nội dung liên quan: bỏ việc giới hạn tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm của cấp Cục HQ; thay đổi mức trị giá áp dụng biện pháp tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm của cấp Chi cục.</p> <p>Ngoài ra, một số chức danh có thay đổi, cần rà soát sửa đổi, bổ sung.</p>	<p><b>Điều 29. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của hải quan</b></p>	
		<p>1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Phạt cảnh cáo;</li> <li>b) Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức.</li> </ul>	
		<p>2. Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm</p>	<p>- Sửa đổi theo hướng bổ sung chức danh có thẩm quyền XP: “<i>Tổ trưởng</i></p> 

	<p>tra sau thông quan có quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Phạt cảnh cáo;</li> <li>b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức.</li> </ul>	<p><i>thuộc Chi cục Hải quan; Tổ trưởng thuộc Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.”</i></p>
	<p>3. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Phạt cảnh cáo;</li> <li>b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức;</li> <li>c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá <u>02 lần mức tiền phạt</u> được quy định tại điểm b khoản này;</li> <li>d) Áp dụng các biện pháp khắc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi theo hướng bổ sung chức danh có thẩm quyền XP: “<i>Đội trưởng Đội Điều tra hình sự, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Kiểm tra sau thông quan</i>”.</li> <li>- Sửa đổi thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm: “<i>Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá <u>02 lần mức tiền phạt</u> được quy định tại điểm b khoản này</i>”.</li> </ul>

	<p>phục hậu quả được quy định tại Nghị định này.</p>	
	<p>4. Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Phạt cảnh cáo;</li> <li>b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức;</li> <li>c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;</li> <li>d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Nghị định này.</li> </ul>	Bỏ quy định về giới hạn tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm của cấp Cục HQ.
	<p>5. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Phạt cảnh cáo;</li> <li>b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều</li> </ul>	Sửa đổi chiểu đến Luật XLVPHC năm 2020

		<p>24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;</p> <p>c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;</p> <p>d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Nghị định này.</p>	
		<p>6. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan và Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế với mức phạt tối đa theo quy định tại các điểm b, c, d khoản 2 Điều 138 Luật Quản lý thuế năm 2019.</p>	
5	<p>Khoản 13 Điều 1 Luật XLVPHC 2020 đã sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 40 Luật XLVPHC về thẩm quyền XP của Bộ đội Biên phòng.</p> <p>Vì vậy, cần sửa đổi các chức danh, rà soát thẩm quyền xử phạt của từng chức danh cụ thể.</p>	<p><b>Điều 30. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng</b></p>	<p>- <b>Bổ sung thẩm quyền xử phạt của các chức danh:</b></p> <p>+ Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm;</p> <p>Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng</p>

		chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng.
	1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền phạt cảnh cáo.	
	2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại Khoản 1 Điều này có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức.	
	3. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức; c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị vượt quá mức	- Sửa đổi thẩm quyền xử phạt các chức danh: Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng

	<p>tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;</p> <p>d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 5 Nghị định này.</p>	
	<p>4. Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, Hải đoàn trưởng Hải đoàn Biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Nghị định này;</p> <p>c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;</p> <p>d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm đ, e khoản 5 Điều 5 Nghị định này.</p>	<p>- Sửa đổi thẩm quyền xử phạt các chức danh: Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng.</p>
6	<p>Khoản 14 Điều 1 Luật XLPVHC 2020 đã sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 41 Luật XLPVHC về thẩm quyền XP của Cảnh sát biển.</p> <p>Vì vậy, cần sửa đổi các chức danh, rà soát thẩm quyền xử phạt của từng chức danh cụ thể.</p>	<p><b>Điều 31. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển</b></p>
		<p>1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển</p>

	<p>đang thi hành công vụ có quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Phạt cảnh cáo;</li> <li>b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức.</li> </ul>	
	<p>2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Phạt cảnh cáo;</li> <li>b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức.</li> </ul>	
	<p>3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Phạt cảnh cáo;</li> <li>b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức;</li> <li>c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 5 Nghị định này.</li> </ul>	
	<p>4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:</p>	



	<p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức;</p> <p>c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;</p> <p>d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ khoản 5 Điều 5 Nghị định này.</p>	
	<p>5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 60.000.000 đồng đối với tổ chức;</p> <p>c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;</p> <p>d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ khoản 5 Điều 5 Nghị định này.</p>	Sửa đổi khoản 5 Điều 31 Nghị định 128/2020/NĐ-CP theo hướng bổ sung chức danh phù hợp Luật 2020: “ <i>Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam</i> ”
	<p>6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển có</p>	Sửa đổi khoản 6 Điều 31 Nghị định

	<p>quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Phạt cảnh cáo;</li> <li>b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức;</li> <li>c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;</li> <li>d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ khoản 5 Điều 5 Nghị định này.</li> </ul>	128/2020/NĐ-CP theo hướng bổ sung chức danh phù hợp Luật 2020: “ <i>Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam</i> ”
	<p>7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Phạt cảnh cáo;</li> <li>b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Nghị định này;</li> <li>c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;</li> <li>d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ khoản 5 Điều 5 Nghị định này.</li> </ul>	
7	Khoản 26 Điều 1 Luật XLVPHC 2020 đã sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 52 Luật XLVPHC về nguyên tắc xác định và phân	<b>Điều 32. Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi</b>

định thẩm quyền xử phạt.	<b>phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả</b>	
	<p>4. Trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được xác định theo nguyên tắc sau đây:</p>	<p>Sửa khoản 4 Điều 32 Nghị định: “<i>Trường hợp vụ việc vi phạm hành chính có nhiều hành vi vi phạm thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được xác định theo nguyên tắc sau đây:</i>”</p>
	<p>9. Ở những địa điểm dọc biên giới quốc gia, nơi không có tổ chức hải quan thì Bộ đội biên phòng đóng tại địa bàn đó có thẩm quyền xử phạt tiền, xử phạt bổ sung và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 30 Nghị định này đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan quy định tại Điều 13 Nghị định này, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Trạm trưởng, Đội trưởng của Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này;</li> <li>b) Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ</li> </ul>	<p>Sửa đổi một số chức danh liên quan về phân định thẩm quyền xử phạt vì Điều 40, 41 Luật XLPVHC đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật XLPVHC năm 2020.</p>

	<p>huy trưởng Ban Chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, điểm a, b khoản 2, khoản 7, điểm d khoản 8 Điều 13 Nghị định này;</p> <p>c) Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Hải đoàn trưởng Hải đoàn Biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, điểm a, b khoản 2, khoản 3, khoản 4, các điểm a, b, c khoản 5, khoản 6, khoản 7, điểm a, d khoản 8 Điều 13 Nghị định này.</p>	
	<p>10. Ở những địa điểm trong vùng biển Việt Nam, nơi không có tổ chức hải quan thì Cảnh sát biển Việt Nam đóng tại địa bàn đó có thẩm quyền xử phạt tiền, xử phạt bổ sung và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 31 Nghị định này đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan quy định tại Điều 13 Nghị định này, cụ thể như sau:</p> <p>a) Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có thẩm quyền</p>	Sửa đổi một số chức danh liên quan về phân định thẩm quyền xử phạt vì Điều 40, 41 Luật XLVPHC đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật XLVPHC năm 2020.

	<p>xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này;</p> <p>b) Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này;</p> <p>c) Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm d khoản 8 Điều 13 Nghị định này;</p> <p>d) Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 7, điểm d khoản 8 Điều 13 Nghị định này;</p> <p>đ) Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7, điểm d khoản 8 Điều 13 Nghị định này;</p> <p>e) Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi</p>	
--	--	--

		phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, điểm d khoản 8 Điều 13 Nghị định này.	
8	Khoản 33 Điều 1 Luật XLVPHC năm 2020 đã sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 65 Luật XLVPHC về những trường hợp không xử phạt.	<b>Điều 33. Thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt</b>	
		1. Thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan thực hiện theo quy định tại Chương III Phần thứ hai Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và quy định tại Nghị định này.	
		2. Quá thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày hết thời hạn thi hành quyết định xử phạt mà biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và b khoản 5 Điều 5 Nghị định này ghi trong quyết định xử phạt chưa được thực hiện thì người có thẩm quyền quy định tại Điều 28; các khoản 3, 4, 5 Điều 29; các khoản 3, 4 Điều 30; các khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 31 Nghị định này áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm gây	Sửa khoản 2 Điều 65 Luật XLVPHC năm 2020 quy định: “2. Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nếu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc loại cầm tang trữ, cầm lưu hành hoặc tang vật, phương tiện mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tịch

		<p>hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại; tịch thu đối với các loại tang vật khác.</p>	<p><i>thu và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với hành vi vi phạm hành chính đó.</i></p> <p><i>Quyết định phải ghi rõ lý do không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng, trách nhiệm và thời hạn thực hiện.</i></p> <p><i>Việc tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản này không bị coi là đã bị xử phạt vi phạm hành chính.”.</i></p>
9	Khoản 38 Điều 1 Luật XLPVHC năm 2020 đã sửa đổi, bổ sung Điều 77 Luật XLPVHC về quy định liên quan giảm, miễn tiền phạt.	<p><b>Điều 34. Miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan</b></p>	
		<p>1. Đối tượng được miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính:</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân bị phạt tiền do vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được miễn tiền phạt theo quy định của</p>	Rà soát sửa đổi căn cứ Luật XLPVHC năm 2020

	<p>pháp luật về quản lý thuế;</p> <p>b) Cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực hải quan được miễn, giảm tiền phạt theo quy định tại Điều 77 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.</p>	
	<p>2. Hồ sơ đề nghị miễn tiền phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều này gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị miễn tiền phạt, trong đó nêu rõ: Lý do đề nghị miễn tiền phạt; giá trị tài sản, hàng hóa bị thiệt hại do thiên tai, hỏa hoạn, thảm họa, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh, chi phí chữa bệnh, bệnh hiểm nghèo, hoặc trường hợp bất khả kháng khác; số tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt (nếu có) đề nghị miễn; số, ký hiệu, ngày, người ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đề nghị miễn tiền phạt;</p> <p>b) Trường hợp thiệt hại về tài sản, chữa bệnh được cơ quan bảo hiểm bồi thường (nếu có) thì phải kèm theo văn bản chứng thực về bồi thường thiệt hại, về thanh toán chi phí khám, chữa bệnh</p>	

	<p>của cơ quan bảo hiểm (nếu có);</p> <p>c) Văn bản của một trong các cơ quan, tổ chức sau: Công an xã, phường, thị trấn; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Ban quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng; cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy xác nhận người nộp thuế bị thiệt hại do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ và thời gian, địa điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, trừ trường hợp có văn bản công bố tình trạng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh của cơ quan có thẩm quyền.</p>	
	<p>3. Trình tự miễn tiền phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị miễn tiền phạt do vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đến người đã ra quyết định xử phạt;</p> <p>b) Trong thời hạn 03 ngày làm</p>	Rà soát các nội dung tại khoản 6 Điều 77 Luật XLPVHC 2020 để sửa đổi, bổ sung.

	<p>việc, kể từ nhận đủ hồ sơ người đã ra quyết định xử phạt có trách nhiệm lập hồ sơ, kiểm tra thông tin, thẩm định tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ và gửi đến cấp trên trực tiếp.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, người đã ra quyết định xử phạt có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân để bổ sung theo quy định;</p> <p>c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cấp trên trực tiếp phải xem xét quyết định và thông báo cho người đã ra quyết định xử phạt, người có văn bản đề nghị miễn biệt; nếu không đồng ý với việc miễn tiền phạt thì phải nêu rõ lý do.</p>	
	<p>4. Không miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp đã thực hiện xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.</p>	
	<p>5. Thủ tục miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thực hiện theo Điều 77 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.</p>	Rà soát sửa đổi căn cứ Luật XLVPHC năm 2020

